

EXTRACURRICULAR ACTIVITY MANAGEMENT FOR STUDENTS OF PHYSICAL EDUCATION AT THANH HOA UNIVERSITY OF CULTURE, SPORTS AND TOURISM

Duong Dinh Tien

Thanh Hoa University of Culture, Sports and Tourism

Email: duongdinhvien@dvttdt.edu.vn

Received: 09/6/2025

Reviewed: 11/6/2025

Revised: 20/6/2025

Accepted: 24/7/2025

Released: 31/7/2025

Extracurricular activities play an important role in the comprehensive development of physical education students, particularly in strengthening soft skills, physical abilities, and practical experience. This paper surveyed the current management status of extracurricular activities for physical education students at Thanh Hoa University of Culture, Sports and Tourism (TUCST), identifying the factors influencing management and student participation levels. The findings revealed challenges in coordination between units, facilities, and human resources, resulting in activities not fully meeting the diverse needs of students. The author proposed solutions to enhance the effectiveness of extracurricular activity management for students at the university.

Keywords: Current situation; Extracurricular activity management; Students of TUCST Thanh Hoa.

1. Giới thiệu

Hoạt động ngoại khóa (HĐNK) đóng vai trò quan trọng trong giáo dục toàn diện, đặc biệt với sinh viên (SV) ngành Thể dục thể thao (TDTT) giúp phát triển thể chất, kỹ năng mềm và kinh nghiệm tổ chức sự kiện thể thao [2]. SV thông qua các câu lạc bộ thể thao, tập luyện, thi đấu, tình nguyện và sinh hoạt đoàn hội có cơ hội vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tiễn. Tuy nhiên, công tác quản lý các hoạt động ngoại khóa tại một số cơ sở giáo dục, trong đó có cả Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch (VHTT & DL) Thanh Hóa còn nhiều hạn chế về nhận thức, phương pháp tổ chức và nguồn lực.

Quan điểm giáo dục toàn diện đã được nhấn mạnh từ lâu, cho rằng giáo dục phải diễn ra toàn diện, không giới hạn trong lớp học. Tại Hoa Kỳ, HĐNK đại học bắt đầu từ thế kỷ XIX với các hội văn học, câu lạc bộ hùng biện và phát triển mạnh mẽ trong thể thao, góp phần nâng cao kỹ năng và sự gắn kết của SV [9]. Các nghiên cứu gần đây khẳng định vai trò của quản lý hiệu quả trong HĐNK, ảnh hưởng tích cực đến sự tham gia và phát triển của SV [7].

Tại Việt Nam, tư tưởng giáo dục kết hợp lý thuyết với thực hành được Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh từ năm 1958. Hoạt động ngoài giờ lên lớp là phần thiết yếu trong giáo dục

toàn diện, góp phần phát triển hài hòa các mặt trí, đức, thể, mỹ [5]. Một số nghiên cứu trong nước đã đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa và quản lý HĐNK cho SV ngành TĐTT (Nguyễn Hồng Minh; Trịnh Văn Biều). Tuy nhiên, phần lớn nghiên cứu tập trung vào bậc phổ thông hoặc SV không chuyên, còn thiếu các nghiên cứu sâu về quản lý HĐNK trong bậc đại học cho SV chuyên ngành TĐTT. Đây là khoảng trống nghiên cứu mà bài viết hướng tới nhằm bổ sung cơ sở lý luận và thực tiễn cho lĩnh vực này.

Nghiên cứu được tiến hành nhằm đánh giá thực trạng công tác quản lý HĐNK cho SV ngành TĐTT tại Trường Đại học VHTT & DL Thanh Hóa, đồng thời đề xuất biện pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động. Kết quả nghiên cứu không chỉ góp phần hoàn thiện công tác giáo dục toàn diện cho SV nhà trường mà còn cung cấp luận cứ khoa học hỗ trợ các trường đại học tương tự trong hoạch định chính sách và tổ chức HĐNK.

2. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp được xem là bộ phận thiết yếu trong giáo dục SV, với quản lý được định nghĩa là tổng hòa các tác động có tổ chức nhằm đảm bảo hiệu quả và đạt mục tiêu giáo dục [10]. Quan điểm hệ thống cũng cho thấy quản lý ngoại khóa bao gồm các chức năng kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra. Komives S.R. và cộng sự (2013) [10] đã đề cao triết lý “học đi đôi với hành”, nhấn mạnh vai trò trải nghiệm thực tiễn trong giáo dục hiện đại. Các nghiên cứu gần đây chỉ ra môi trường học tập tích cực, cơ sở vật chất đầy đủ và sự tham gia của giảng viên có ảnh hưởng tích cực đến động lực và sự gắn kết của SV trong hoạt động thể thao ngoại khóa [10]. Hiệu quả HĐNK liên quan đến chức năng nhận thức, sức khỏe tâm lý và quan hệ xã hội, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) [8]. Mô hình cấu trúc của Horowitz H.L (1987) [9] cho thấy động lực tự thân và kỹ năng tự điều chỉnh cảm xúc thúc đẩy sự tham gia tích cực của SV.

Tại Việt Nam, Nguyễn Hồng Minh và Đinh Thị Uyên (2022) [3] khảo sát thực trạng HĐNK ở Trường Đại học TĐTT Hà Nội, nhận thấy quản lý còn phân tán và thiếu phối hợp, đề xuất tăng cường vai trò lãnh đạo khoa và đầu tư cơ sở vật chất. Nghiên cứu của Trịnh Văn Biều và Lê Thị Kim Dung (2009) [1] cho khối THPT nhấn mạnh nâng cao nhận thức, thiết lập cơ chế phối hợp và đổi mới nội dung để tăng sự tham gia. Các nghiên cứu này tạo cơ sở so sánh và rút kinh nghiệm cho Trường Đại học VHTT & DL Thanh Hóa. Tuy nhiên, nghiên cứu chuyên sâu về quản lý HĐNK cho SV ngành TĐTT tại đại học vẫn còn hạn chế, đặc biệt với đặc thù riêng của ngành như chương trình học, nhu cầu rèn luyện chuyên sâu và định hướng nghề nghiệp. Nghiên cứu này nhằm lấp khoảng trống đó và bổ sung tri thức quản lý giáo dục ngoài giờ trong bối cảnh giáo dục đại học.

3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng cách tiếp cận hệ thống - cấu trúc kết hợp với tiếp cận thực tiễn để xem xét HĐNK như một chỉnh thể bao gồm nhiều thành tố liên quan như mục tiêu, nội dung, hình thức, phương pháp tổ chức, đối tượng tham gia và nguồn lực hỗ trợ. Các thành tố này tương tác chặt chẽ trong hệ thống giáo dục đại học, đồng thời đảm bảo phản ánh đúng bối cảnh thực tế tại Trường Đại học VHTT & DL Thanh Hóa.

Quá trình nghiên cứu kết hợp ba phương pháp chính: phân tích - tổng hợp tài liệu, phỏng vấn sâu và tham vấn chuyên gia nhằm khai thác tri thức lý luận, thu thập thông tin thực tiễn và đánh giá biện pháp một cách toàn diện. Phân tích tài liệu dựa trên việc tổng hợp các công trình

nghiên cứu và văn bản quản lý liên quan để xác định các yếu tố cấu thành và tiêu chí đánh giá. Phòng vấn sâu được tiến hành với lãnh đạo khoa, cán bộ đoàn thể, giảng viên và SV nhằm làm rõ nguyên nhân thực tiễn và gợi ý biện pháp. Tham vấn với các chuyên gia có kinh nghiệm giúp kiểm định tính khả thi và hoàn thiện biện pháp phù hợp với điều kiện cơ sở đào tạo.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thực trạng

4.1.1. Thực trạng hoạt động ngoại khóa

Tại Trường Đại học VHTT & DL Thanh Hóa, công tác tổ chức HĐNK dành cho SV ngành Thể dục thể thao được triển khai đa dạng và duy trì ổn định qua các năm học. Nhà trường phối hợp chặt chẽ với Khoa Thể dục thể thao cùng Đoàn Thanh niên để xây dựng các câu lạc bộ thể thao truyền thống như bóng đá, cầu lông, bóng chuyền, võ thuật..., tạo điều kiện cho SV rèn luyện kỹ năng chuyên môn và phát triển thể chất. Bên cạnh đó, các giải thi đấu thể thao nội bộ giữa các lớp được tổ chức định kỳ nhằm thúc đẩy tinh thần cạnh tranh lành mạnh và tăng cường sự đoàn kết trong SV. SV cũng được khuyến khích tham gia các giải thi đấu cấp trường, cấp tỉnh và toàn quốc, qua đó nâng cao kỹ năng thi đấu, giao lưu học hỏi. Các hoạt động tình nguyện và phong trào rèn luyện sức khỏe như Ngày chạy Olympic, hiến máu nhân đạo, hỗ trợ tổ chức các giải thể thao phong trào dành cho cộng đồng cũng được duy trì, góp phần tăng cường ý thức xã hội và trách nhiệm cộng đồng của SV. Bảng 1 dưới đây tổng hợp các số liệu thứ cấp về số lượng câu lạc bộ, giải thi đấu và hoạt động tình nguyện được tổ chức tại Khoa Thể dục thể thao trong ba năm học gần nhất. Các số liệu này phản ánh sự phát triển và đa dạng hóa HĐNK của nhà trường.

Bảng 1: Số lượng HĐNK

Năm học	Số lượng câu lạc bộ thể thao	Số lượng giải thi đấu nội bộ	Số lượng giải thi đấu cấp trường/tỉnh/toàn quốc	Số lượng hoạt động tình nguyện và phong trào rèn luyện
2021-2022	6	4	3	5
2022-2023	7	5	4	6
2023-2024	7	6	5	7

(Nguồn: Nghiên cứu của tác giả)

Số liệu trong bảng thể hiện sự ổn định và tăng trưởng nhẹ về số lượng các HĐNK, tuy nhiên vẫn cần xem xét các khía cạnh về chất lượng tổ chức và mức độ thu hút SV tham gia để nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện.

4.1.2. Tình hình tham gia hoạt động ngoại khóa của sinh viên

Phần lớn SV ngành Thể dục thể thao tham gia ít nhất một HĐNK trong suốt quá trình học tập. Dữ liệu tổng hợp từ các báo cáo thứ cấp cho thấy khoảng 65% SV tham gia đều đặn vào các HĐNK, bao gồm sinh hoạt tại các câu lạc bộ thể thao hàng tuần và tham dự các giải thi đấu cấp trường, cấp tỉnh hoặc cấp quốc gia được tổ chức thường niên. Động lực tham gia của SV thể hiện tính đa dạng và phong phú, không chỉ nhằm rèn luyện sức khỏe mà còn nhằm thỏa mãn đam mê thể thao, mở rộng quan hệ xã hội, tích lũy kỹ năng tổ chức sự kiện và nâng cao điểm rèn luyện học tập. Tuy nhiên, khoảng 20% SV báo cáo không tích cực tham gia các hoạt động này. Nguyên nhân chính được xác định gồm lịch học và lịch tập luyện chuyên môn

dày đặc, hạn chế về thời gian dành cho HĐNK; thiếu hứng thú đối với nội dung các hoạt động hiện tại, do chưa thực sự phù hợp với nhu cầu và sở thích đa dạng của SV; cùng với việc chưa nắm bắt đầy đủ thông tin về các sự kiện ngoại khóa, gây ra tình trạng thiếu thông tin và khó khăn trong việc tiếp cận.

Bảng 2: Tỷ lệ tham gia HĐNK của SV

Nội dung và tỷ lệ tham gia (%)		Nguyên nhân chính
Tham gia thường xuyên	65	Rèn luyện sức khỏe, thỏa mãn đam mê, mở rộng giao lưu
Tham gia không thường xuyên	15	Hạn chế về thời gian, lịch học tập và tập luyện dày đặc
Không tham gia	20	Thiếu hứng thú, không biết thông tin về HĐNK

(Nguồn: Nghiên cứu của tác giả)

Phân tích số liệu cho thấy nhóm SV tham gia đều đặn phần lớn được thúc đẩy bởi các mục tiêu phát triển cá nhân và xã hội, đồng thời nhận thức được giá trị tích cực của HĐNK trong việc nâng cao kỹ năng và sức khỏe. Ngược lại, nhóm SV ít hoặc không tham gia chủ yếu gặp phải các rào cản về thời gian và thiếu thông tin, đồng thời cảm thấy nội dung hoạt động chưa thực sự hấp dẫn hoặc chưa đa dạng để đáp ứng nhu cầu cá nhân. Điều này chỉ ra nhu cầu cấp thiết trong việc cải tiến nội dung và hình thức HĐNK, cũng như nâng cao công tác truyền thông và hỗ trợ SV trong việc tiếp cận thông tin. Hiểu rõ các yếu tố thúc đẩy và cản trở này sẽ giúp nhà trường và khoa xây dựng các chiến lược điều chỉnh, nhằm gia tăng tỷ lệ tham gia, đồng thời nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện cho SV ngành Thể dục thể thao.

4.1.3. Công tác quản lý hoạt động ngoại khóa

HĐNK dành cho SV ngành Thể dục thể thao tại Trường Đại học VH TT & DL Thanh Hóa được quản lý thông qua sự phối hợp giữa khoa Thể dục thể thao, phòng Công tác chính trị - Học sinh SV, Đoàn Thanh niên và Hội SV. Tuy nhiên, hiện nay chưa tồn tại một quy chế phối hợp chính thức và rõ ràng giữa các đơn vị này, dẫn đến thiếu sự đồng bộ trong tổ chức và triển khai HĐNK. Kế hoạch HĐNK chủ yếu do Đoàn Thanh niên đề xuất theo từng năm học, trong khi khoa chuyên môn chưa tích cực tích hợp các HĐNK vào kế hoạch đào tạo, khiến nhiều hoạt động mang tính sự vụ, thiếu tính liên tục và chưa phát huy tối đa hiệu quả giáo dục.

Công tác chỉ đạo và giám sát các hoạt động này phụ thuộc nhiều vào tinh thần tự giác của từng đơn vị và cá nhân. Các câu lạc bộ do SV tự quản chỉ được giảng viên trẻ hỗ trợ hạn chế, đồng thời chưa có cơ chế báo cáo định kỳ kết quả hoạt động lên Ban Chủ nhiệm khoa. Việc đánh giá hiệu quả HĐNK chưa được thực hiện bài bản, chủ yếu dựa trên thống kê số lượng sự kiện tổ chức và số lượng SV tham gia, thiếu các tiêu chí đánh giá mức độ đạt được mục tiêu giáo dục của từng hoạt động. Bên cạnh đó, việc thu thập phản hồi từ SV về chất lượng và nhu cầu đối với các HĐNK cũng chưa được tổ chức thường xuyên, gây hạn chế trong việc cải tiến chương trình và nâng cao sự phù hợp với kỳ vọng của người học.

Bảng 3: Thực trạng công tác quản lý HĐNK

Tiêu chí quản lý	Mức độ thực hiện	Ghi chú
Quy chế phối hợp giữa các đơn vị	Chưa có quy chế rõ ràng	Thiếu văn bản quy định cụ thể
Lồng ghép HĐNK vào kế hoạch đào tạo	Mức độ thấp	Hoạt động còn mang tính sự vụ

Hỗ trợ và hướng dẫn câu lạc bộ SV	Hạn chế	Giảng viên trẻ tham gia với mức độ hỗ trợ thấp
Cơ chế báo cáo HĐNK	Chưa có cơ chế báo cáo định kỳ	Thiếu hệ thống quản lý thông tin
Đánh giá hiệu quả hoạt động	Chưa bài bản	Dựa chủ yếu vào số lượng sự kiện và người tham gia
Thu thập phản hồi SV	Ít được tổ chức	Hạn chế khảo sát và tiếp nhận ý kiến

(Nguồn: Nghiên cứu của tác giả)

Phân tích số liệu và thực trạng trên cho thấy, công tác quản lý HĐNK còn nhiều điểm yếu. Việc thiếu quy chế phối hợp chặt chẽ dẫn đến sự phân tán trong quản lý, gây khó khăn trong việc đồng bộ hoạt động và theo dõi tiến độ triển khai. Sự thiếu vắng cơ chế báo cáo và đánh giá cụ thể khiến nhà trường khó đo lường hiệu quả giáo dục cũng như khó khăn trong việc điều chỉnh, cải tiến chương trình phù hợp với nhu cầu thực tế. Hạn chế trong công tác thu thập phản hồi SV làm giảm khả năng tiếp nhận thông tin đa chiều, từ đó ảnh hưởng đến chất lượng và sự hấp dẫn của các HĐNK. Xây dựng quy chế phối hợp rõ ràng giữa các đơn vị có liên quan là cần thiết nhằm phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn và cơ chế phối hợp trong triển khai. Cùng với đó, cần thiết lập hệ thống báo cáo định kỳ và bộ tiêu chí đánh giá cụ thể để đảm bảo việc giám sát và cải tiến liên tục các hoạt động. Công tác khảo sát, thu thập ý kiến SV cũng cần được chú trọng nhằm tạo điều kiện cho SV tham gia chủ động góp ý và phát triển HĐNK theo hướng đáp ứng thực tế và nhu cầu đa dạng.

4.1.4. Điều kiện đảm bảo (cơ sở vật chất, nhân lực, kinh phí)

Cơ sở vật chất và nguồn tài chính phục vụ cho HĐNK tại Trường Đại học VH TT & DL Thanh Hóa hiện vẫn còn nhiều hạn chế so với quy mô và nhu cầu thực tế của SV ngành Thể dục thể thao. Nhà trường sở hữu một số sân bãi, nhà tập đa năng dùng chung cho giảng dạy thể chất và sinh hoạt ngoại khóa, tuy nhiên diện tích và trang thiết bị chưa đáp ứng đầy đủ số lượng SV tham gia. Trang thiết bị thể thao chủ yếu được dùng từ các dụng cụ phục vụ học tập thực hành, chưa có nguồn ngân sách riêng để đầu tư mua sắm mới và bảo trì thường xuyên. Kinh phí tổ chức HĐNK chủ yếu dựa vào nguồn hỗ trợ hạn chế từ Đoàn Thanh niên, Nhà trường và một phần tài trợ vận động từ bên ngoài cho các giải thi đấu. Báo cáo tổng hợp số liệu thứ cấp và khảo sát nội bộ cho thấy, nhiều SV đánh giá thiếu sân bãi và thiết bị là rào cản lớn khiến họ khó tham gia tập luyện ngoại khóa một cách thường xuyên và hiệu quả. Phần lớn cán bộ quản lý cũng đồng tình với quan điểm rằng nguồn kinh phí hiện tại chỉ đáp ứng được một phần nhỏ nhu cầu thực tế, dẫn đến việc nhiều ý tưởng hoạt động đã phải bị hủy bỏ hoặc giảm quy mô do hạn chế về tài chính.

Yếu tố nhân sự chuyên trách trong công tác quản lý HĐNK cũng đang là điểm nghẽn. Hiện tại, Nhà trường chưa bố trí cán bộ chuyên trách quản lý mảng ngoại khóa, mà nhiệm vụ này thường do các cán bộ Đoàn hoặc giảng viên kiêm nhiệm. Với khối lượng công việc chính khá lớn, thời gian dành cho công tác quản lý, hỗ trợ và hướng dẫn SV trong HĐNK trở nên hạn chế, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả tổ chức và sự phát triển bền vững của các chương trình.

Bảng 4: Thực trạng điều kiện đảm bảo cho HĐNK

Tiêu chí	Thực trạng hiện tại	Ghi chú
Cơ sở vật chất	Sân bãi và nhà tập đa năng có nhưng	Không đáp ứng đủ nhu cầu SV

	quy mô hạn chế	
Trang thiết bị thể thao	Sử dụng dụng cụ học tập thực hành, thiếu ngân sách mua mới	Bảo trì và bổ sung còn hạn chế
Nguồn kinh phí	Hạn chế, phụ thuộc vào hỗ trợ từ Đoàn Thanh niên và tài trợ	Nhiều hoạt động phải hủy bỏ
Cán sự phụ trách	Chưa có cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm bởi giảng viên/Đoàn	Thời gian quản lý hạn chế

(Nguồn: Nghiên cứu của tác giả)

Phân tích các yếu tố trên cho thấy, các hạn chế về cơ sở vật chất, kinh phí và nhân lực tạo thành những rào cản lớn trong việc nâng cao chất lượng và quy mô HĐNK. Việc thiếu sân bãi và thiết bị phù hợp không chỉ ảnh hưởng đến khả năng tổ chức mà còn làm giảm sự hứng thú và mức độ tham gia của SV. Thiếu nguồn kinh phí ổn định khiến các chương trình phải hoạt động trong điều kiện thiếu thốn, khó có thể mở rộng hoặc đổi mới nội dung. Nhân lực quản lý hạn chế thời gian và không chuyên trách cũng góp phần làm giảm hiệu quả trong công tác tổ chức, giám sát và phát triển hoạt động. Để giải quyết các vấn đề này, cần thiết lập kế hoạch đầu tư đồng bộ, bao gồm nâng cấp cơ sở vật chất, mở rộng nguồn kinh phí qua nhiều hình thức xã hội hóa, bổ sung nhân sự chuyên trách nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững và nâng cao chất lượng HĐNK.

Bảng 5: Tổng hợp các hạn chế trong công tác quản lý HĐNK

Hạn chế chính	Chi tiết	Ảnh hưởng
Phối hợp quản lý	Thiếu quy chế phối hợp chính thức giữa Khoa TĐTT, Phòng CTCT - HSSV, Đoàn Thanh niên và Hội SV, dẫn đến sự thiếu đồng bộ trong tổ chức và triển khai.	Hoạt động mang tính sự vụ, thiếu tính liên tục và bền vững; khó khăn trong việc đồng bộ hoạt động và theo dõi tiến độ.
Nội dung và hình thức	Còn đơn điệu, chủ yếu là các CLB và giải thể thao truyền thống; thiếu các hoạt động sáng tạo và chưa thu hút đủ SV.	SV thiếu hứng thú, mức độ tham gia không đồng đều; chưa đáp ứng nhu cầu đa dạng của SV.
Cơ sở vật chất	Sân bãi và nhà tập đa năng có nhưng quy mô hạn chế, trang thiết bị thể thao chủ yếu sử dụng từ dụng cụ học tập.	Không đáp ứng đầy đủ số lượng SV tham gia; ảnh hưởng đến khả năng tổ chức và giảm sự hứng thú.
Kinh phí	Hạn chế, chủ yếu dựa vào Đoàn Thanh niên và tài trợ bên ngoài; thiếu ngân sách riêng để đầu tư và bảo trì.	Nhiều ý tưởng hoạt động phải hủy bỏ hoặc giảm quy mô; khó mở rộng hoặc đổi mới nội dung.
Nhân lực	Chưa có cán bộ chuyên trách, nhiệm vụ do cán bộ Đoàn hoặc giảng viên kiêm nhiệm.	Thời gian dành cho quản lý và hỗ trợ SV bị hạn chế; ảnh hưởng đến hiệu quả tổ chức và phát triển bền vững của chương trình.
Đánh giá và phản hồi	Chưa được thực hiện bài bản, chủ yếu dựa vào số lượng; ít thu thập phản hồi từ SV.	Khó đo lường hiệu quả giáo dục, khó điều chỉnh và cải tiến chương trình phù hợp với nhu cầu.

(Nguồn: Nghiên cứu của tác giả)

4.2. Đánh giá chung

Công tác quản lý HĐNK cho sinh viên ngành Thể dục thể thao tại Trường Đại học VH TT & DL Thanh Hóa còn nhiều hạn chế. Ban lãnh đạo và Khoa TDTT nhận thức vai trò của ngoại khóa trong phát triển SV, nhưng sự quan tâm sâu sắc và sự khuyến khích từ giảng viên chưa đồng đều. Một số SV vẫn xem hoạt động này là phụ thuộc điểm thưởng hoặc bắt buộc. Cơ cấu tổ chức và phối hợp quản lý chưa rõ ràng, Khoa TDTT chưa phát huy vai trò đầu mối, trong khi phòng Công tác chính trị - HSSV, Đoàn Thanh niên, Hội SV thiếu thẩm quyền và nguồn lực. Điều này dẫn đến HĐNK mang tính tự phát, thiếu ổn định và bền vững. Nội dung và hình thức tổ chức còn đơn điệu, chủ yếu là câu lạc bộ và giải thể thao truyền thống, thiếu các hoạt động sáng tạo và chưa thu hút đủ SV. Phương pháp tổ chức nặng về hành chính, thiếu sự tự nguyện. Nguồn lực gồm cơ sở vật chất, kinh phí, nhân lực còn hạn chế, là rào cản lớn cho phát triển HĐNK. Nếu không được đầu tư thích đáng, kế hoạch đổi mới khó thực hiện hiệu quả. Dù còn tồn tại, HĐNK đã góp phần tăng cường thể lực, kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng tổ chức cho SV tích cực tham gia. Tuy nhiên, nhóm SV không tham gia vẫn chiếm tỷ lệ lớn, cần có biện pháp thu hút đông đảo hơn nhằm phát triển toàn diện cho tất cả SV.

4.3. Đề xuất một số giải pháp

4.3.1. Nâng cao nhận thức

Giải pháp nhằm xây dựng nhận thức đồng bộ từ lãnh đạo nhà trường, giảng viên đến SV về vai trò quan trọng của HĐNK trong phát triển toàn diện. Khi SV hiểu rằng hoạt động ngoài giờ không chỉ để lấy điểm rèn luyện mà còn là cơ hội để phát triển kỹ năng mềm và phẩm chất cá nhân thì mức độ tham gia sẽ được nâng cao. Giảng viên và cán bộ cần xác định trách nhiệm hỗ trợ HĐNK như một phần thiết yếu trong công tác giảng dạy, từ đó chủ động khuyến khích và hướng dẫn SV. Nội dung tuyên truyền cần làm rõ lợi ích thiết thực như phát triển kỹ năng tổ chức, giao tiếp, làm việc nhóm, rèn luyện sức khỏe và tăng tính kỷ luật. Việc giới thiệu các ví dụ minh họa về thành công của cựu SV sẽ giúp SV nhận thức sâu sắc hơn về giá trị của HĐNK. Nhà trường cần tổ chức chuỗi hội thảo, tọa đàm chuyên đề dành cho giảng viên, cán bộ quản lý và SV vào đầu mỗi năm học. Chiến dịch truyền thông liên tục qua các kênh như website, fanpage và bảng tin của khoa, đoàn thể, kết hợp với video, infographic và poster sẽ giúp lan tỏa nhận thức rộng rãi. Các buổi tập huấn ngắn hạn dành cho giảng viên, cán bộ đoàn thể sẽ nâng cao kỹ năng tích hợp HĐNK vào quá trình giảng dạy và đánh giá. Việc lồng ghép tuyên truyền vào các cuộc họp chuyên đề cũng góp phần duy trì sự chú ý và cam kết lâu dài.

4.3.2. Thiết lập cơ chế phối hợp quản lý chặt chẽ

Một quy chế phối hợp nội bộ cần được xây dựng rõ ràng, xác định chức năng, quyền hạn và trách nhiệm cụ thể của khoa Thể dục thể thao, phòng Công tác chính trị - HSSV, Đoàn Thanh niên, Hội SV. Quy chế này quy định quy trình lập kế hoạch chung, cơ chế phê duyệt và cách thức xử lý các vướng mắc trong tổ chức HĐNK. Văn bản chính thức sẽ tạo cơ sở pháp lý để các đơn vị thực hiện đúng chức năng, tránh chồng chéo hoặc bỏ sót nhiệm vụ. Cụ thể, khoa Thể dục thể thao chịu trách nhiệm về mặt chuyên môn, xây dựng khung kế hoạch liên kết với đào tạo và cử giảng viên theo dõi, hướng dẫn; Phòng Công tác chính trị - HSSV đảm nhận vai trò điều phối thủ tục, hỗ trợ kinh phí và tích hợp kết quả tham gia vào điểm rèn luyện; Đoàn Thanh niên – Hội SV trực tiếp tổ chức, vận động và truyền thông. Sự phân công rõ ràng giúp

từng đơn vị tập trung nguồn lực và chuyên môn, nâng cao hiệu quả thực hiện. Các cuộc họp liên tịch giữa ba bên nên được tổ chức định kỳ hàng tháng, hàng quý hoặc theo học kỳ nhằm đánh giá kết quả, nhận diện khó khăn và điều chỉnh kế hoạch. Mẫu báo cáo HĐNK gồm số lượng sự kiện, tỷ lệ tham gia và các vấn đề phát sinh cần được gửi lên Ban Chủ nhiệm khoa để giám sát và làm cơ sở xây dựng cho kế hoạch năm học tiếp theo.

4.3.3. *Đổi mới nội dung, hình thức và phương pháp tổ chức*

Nhà trường nên mở rộng không gian sinh hoạt ngoại khóa bằng cách thành lập thêm các câu lạc bộ chuyên đề đáp ứng sở thích và định hướng nghề nghiệp đa dạng của SV ngành Thể dục thể thao. Ví dụ, câu lạc bộ Kỹ năng mềm cho huấn luyện viên/giảng viên thể thao, câu lạc bộ Tình nguyện thể thao gắn với cộng đồng địa phương hoặc câu lạc bộ Nghiên cứu khoa học giáo dục thể chất. Sự xuất hiện của các câu lạc bộ chuyên sâu sẽ tạo thêm cơ hội để SV phát huy năng lực cá nhân, tăng tính hấp dẫn và phù hợp với mục tiêu nghề nghiệp tương lai. Bên cạnh giải đấu thể thao truyền thống, cần tổ chức các sự kiện mang tính vận động, kết nối cao như Ngày hội thể thao gia đình, các cuộc thi Flashmob thể thao hay chương trình “Hội thảo Hướng nghiệp về Thể dục thể thao” với diễn giả là cựu SV thành đạt. Những hoạt động này không chỉ kích thích sự hào hứng của SV mà còn giúp gắn kết cộng đồng người học với người thân và mạng lưới cựu SV, từ đó tạo nên không khí sôi nổi và đa chiều cho ngoại khóa. Thay vì ép buộc, Nhà trường cần khuyến khích tinh thần tự nguyện thông qua các hình thức khen thưởng và công nhận. Tiêu chí “SV tích cực ngoại khóa” có thể được đưa vào xét học bổng khuyến khích hoặc khen thưởng cuối năm học. Việc vinh danh cá nhân, tập thể xuất sắc ngay sau mỗi sự kiện sẽ tạo động lực mạnh mẽ, khuyến khích những SV khác tham gia và tự đề xuất ý tưởng hoạt động mới.

4.3.4. *Tăng cường đầu tư nguồn lực*

Ngân sách dành cho HĐNK cần được xem là khoản đầu tư chiến lược trong nâng cao chất lượng đào tạo. Nhà trường cần quan tâm hơn nữa để nâng cấp sân bãi, mua sắm và bảo trì thiết bị thể thao, đảm bảo tính bền vững cho các câu lạc bộ và tổ chức sự kiện. Việc này giúp tránh sự lệ thuộc vào nguồn hỗ trợ không ổn định. Cùng với ngân sách nội bộ, chương trình kêu gọi tài trợ từ cựu SV, doanh nghiệp địa phương và các tổ chức xã hội nên được xây dựng. Hình thức tài trợ đa dạng bao gồm hiện vật, học bổng và kinh phí tổ chức sự kiện, vừa bổ sung nguồn lực vừa mở rộng mạng lưới kết nối, tạo cơ hội thực tập và việc làm cho SV. Thành lập vị trí cán bộ chuyên trách hoặc bán chuyên trách tại Khoa hoặc phòng Công tác chính trị - HSSV là cần thiết để điều phối, theo dõi, hỗ trợ công tác tổ chức và đánh giá HĐNK. Đội ngũ cán bộ Đoàn - Hội cùng SV nòng cốt cần được tập huấn nâng cao năng lực quản lý sự kiện, kỹ năng truyền thông và thu thập phản hồi nhằm nâng cao hiệu quả và chuyên nghiệp hóa hoạt động.

5. **Thảo luận**

Các kết quả nghiên cứu về thực trạng quản lý HĐNK cho sinh viên ngành Thể dục thể thao tại Trường Đại học VHTT & DL Thanh Hóa, cùng với các biện pháp đề xuất, phản ánh một bức tranh có tính phổ quát trong bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam. Những hạn chế về nhận thức, cơ chế phối hợp và nguồn lực đã được xác định, tương đồng với các vấn đề được nêu trong nhiều nghiên cứu về quản lý giáo dục ngoài giờ lên lớp ở các cấp học và môi trường khác [3, 1].

Thứ nhất, về nhận thức, nghiên cứu chỉ ra rằng dù Ban lãnh đạo và khoa Thể dục thể thao nhận thức được vai trò của HĐNK, sự quan tâm và khuyến khích từ phía giảng viên chưa đồng đều, SV đôi khi vẫn xem đây là hoạt động mang tính hình thức. Điều này phù hợp với quan điểm của Komives S.R. và cộng sự (2013) [10] khi nhấn mạnh tầm quan trọng của sự hỗ trợ từ đội ngũ giảng viên và cán bộ để thúc đẩy sự tham gia tích cực của SV. Việc nâng cao nhận thức là nền tảng, vì theo Horowitz H.L. (1987) [9], động lực tự thân của SV đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự tham gia. Do đó, các hoạt động truyền thông và tập huấn cần được thiết kế không chỉ để cung cấp thông tin mà còn để khơi gợi và duy trì sự hứng thú, đồng thời tích hợp các hoạt động này vào tiêu chí thi đua và đánh giá tổng thể [4].

Thứ hai, cơ cấu tổ chức và phối hợp quản lý hiện còn thiếu rõ ràng, dẫn đến tình trạng hoạt động mang tính tự phát, thiếu ổn định. Sự thiếu vắng quy chế phối hợp chính thức giữa khoa Thể dục thể thao, phòng Công tác chính trị - HSSV, Đoàn Thanh niên, Hội SV làm giảm hiệu quả trong việc hoạch định và triển khai thực hiện. Đây là điểm chung với nhận định của Nguyễn Hồng Minh và Đinh Thị Uyên (2022) [3] về tình trạng quản lý phân tán tại các trường thể dục thể thao khác. Để khắc phục, việc thiết lập một quy chế phối hợp cụ thể, phân định rõ chức năng và trách nhiệm của từng đơn vị là biện pháp trọng yếu, phù hợp với nguyên tắc quản lý khoa học [8], trong đó quản lý hiệu quả liên quan đến việc đảm bảo tính liên tục và bền vững của các chương trình.

Thứ ba, nội dung và hình thức HĐNK còn đơn điệu, chủ yếu tập trung vào các câu lạc bộ và giải thể thao truyền thống, chưa đáp ứng được nhu cầu đa dạng của SV. Điều này cho thấy sự chưa tận dụng hết tiềm năng của môi trường giáo dục ngoài giờ lên lớp, vốn được Komives S.R. và cộng sự (2013) [10] coi là không gian quan trọng để “học đi đôi với hành”. Việc đa dạng hóa nội dung, bao gồm các hoạt động kỹ năng mềm, tình nguyện thể thao và nghiên cứu khoa học sẽ giúp tăng cường tính hấp dẫn và hiệu quả giáo dục [5, 1, 4].

Cuối cùng, hạn chế về nguồn lực, bao gồm cơ sở vật chất, kinh phí và nhân lực chuyên trách là rào cản lớn nhất đối với việc phát triển HĐNK một cách bền vững. Các sân bãi và thiết bị hiện có không đáp ứng đủ nhu cầu, kinh phí chủ yếu dựa vào nguồn tài trợ bên ngoài và cán bộ quản lý thường kiêm nhiệm, thiếu thời gian và chuyên môn sâu. Tình trạng này phản ánh một thách thức chung mà nhiều trường đại học địa phương gặp phải. Để giải quyết, việc trích lập ngân sách ổn định, kết hợp với các chương trình kêu gọi tài trợ và xã hội hóa, là cần thiết. Đồng thời, việc bố trí cán bộ chuyên trách hoặc bán chuyên trách sẽ đảm bảo hoạt động được điều phối một cách hiệu quả và chuyên nghiệp hơn, giúp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đáp ứng yêu cầu của Luật Giáo dục đại học [6] và các mục tiêu phát triển bền vững [8].

Tóm lại, các biện pháp được đề xuất trong nghiên cứu này không chỉ mang tính ứng dụng thực tiễn cho Trường Đại học VHTT & DL Thanh Hóa mà còn có ý nghĩa tham khảo cho các cơ sở giáo dục khác. Để đạt được hiệu quả lâu dài, việc triển khai cần sự cam kết mạnh mẽ từ lãnh đạo, sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị, và sự chủ động, sáng tạo trong việc khai thác các nguồn lực sẵn có.

6. Kết luận

Nghiên cứu về quản lý HĐNK cho SV ngành Thể dục thể thao tại Trường Đại học VHTT & DL Thanh Hóa cho thấy công tác này còn nhiều hạn chế về nhận thức, kế hoạch hóa, phối hợp và nguồn lực. Các bất cập này ảnh hưởng đến mức độ tham gia và hiệu quả

giáo dục của HĐNK. Bốn nhóm biện pháp trọng tâm được đề xuất bao gồm: Nâng cao nhận thức cho cán bộ, giảng viên và SV; Thiết lập cơ chế phối hợp quản lý chặt chẽ giữa các đơn vị liên quan; Đổi mới nội dung, hình thức và phương pháp tổ chức; Tăng cường đầu tư nguồn lực về cơ sở vật chất, kinh phí và nhân lực. Các biện pháp cần được triển khai đồng bộ để tạo chuyển biến rõ rệt. Thực hiện đòi hỏi cam kết từ nhà trường và sự tham gia tích cực của SV nhằm xây dựng mô hình quản lý ngoại khóa khoa học và hiệu quả. Mô hình thành công tại trường có thể trở thành điển hình tham khảo cho các cơ sở đào tạo khác trong lĩnh vực TĐTT và HĐNK SV nói chung. Quản lý tốt HĐNK là yếu tố then chốt nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, giúp SV chuyển hóa kiến thức và kỹ năng thành trải nghiệm thực tiễn. Nghiên cứu góp phần làm rõ vai trò này và mở hướng cải tiến nhằm đào tạo cử nhân Giáo dục Thể chất, huấn luyện viên đáp ứng yêu cầu phát triển ngành và xã hội.

Tài liệu tham khảo

Tài liệu tiếng Việt

- [1]. Trịnh Văn Biều, Lê Thị Kim Dung (2009), *Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở trường THPT, thực trạng và giải pháp*, Tạp chí Khoa học ĐHSP Tp.HCM, số 17, tr.170-181.
- [2]. Đồng Hương Lan (2020), *Thực trạng hoạt động tập luyện ngoại khóa TĐTT của học sinh tiểu học tỉnh Thanh Hóa*, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Hồng Đức, số 52, tr.65-70.
- [3]. Nguyễn Hồng Minh, Đinh Thị Uyên (2022), *Thực trạng và biện pháp quản lý hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa cho SV Trường Đại học Thể dục Thể thao Hà Nội*, Tạp chí Khoa học Giáo dục thể chất và Thể thao trường học, 2/2022, tr.76-81.
- [4]. Phạm Thị Diễm Thúy (2018), *Nâng cao hiệu quả công tác quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở trường trung học phổ thông*, Luận văn Thạc sĩ Quản lý Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- [5]. Trần Đình Thức (2020), *Thực trạng tổ chức hoạt động ngoại giờ lên lớp ở các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp*, Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Đồng Tháp, 9 (1), tr.14-20.
- [6]. Quốc hội Việt Nam (2018), *Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14*.
- [7]. Nguyễn Đình Yên, Trần Minh Châu (2023), *Thực trạng tổ chức hoạt động ngoại khóa cho sinh viên quốc tế tại Đại học Thái Nguyên*, Tạp chí Thiết bị Giáo dục, tập 285, kỳ 2 tháng 3/2023, tr.89-91.

Tài liệu tiếng Anh

- [8]. CGScholar (2025), *Extracurricular Activities and Their Role in Enhancing Universities' Responsibility Toward Sustainable Development Goals: A Case Study of The University of Jordan*.
- [9]. Horowitz H.L. 1987, *Campus Life: Undergraduate Cultures from the End of the Eighteenth Century to the Present*. New York: Knopf.
- [10]. Komives S.R., Lucas N., McMahon T.R. (2013), *Exploring Leadership: For College Students Who Want to Make a Difference* (3rd ed.), Jossey-Bass.

**QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG NGOẠI KHÓA CHO SINH VIÊN
NGÀNH THỂ DỤC THỂ THAO TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA,
THỂ THAO VÀ DU LỊCH THANH HÓA**

Dương Đình Tiến

Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

Email: duongdinhtien@dvttdt.edu.vn

Ngày nhận bài: 09/6/2025

Ngày phản biện: 11/6/2025

Ngày tác giả sửa: 20/6/2025

Ngày duyệt đăng: 24/7/2025

Ngày phát hành: 31/7/2025

Hoạt động ngoại khóa đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển toàn diện năng lực thể thao cho sinh viên ngành Thể dục thể thao, đặc biệt trong việc rèn luyện kỹ năng mềm, thể chất và kinh nghiệm thực tiễn. Bài viết khảo sát thực trạng quản lý hoạt động ngoại khóa của sinh viên ngành Thể dục thể thao tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch (VHTT&DL) Thanh Hóa từ đó xác định các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý và mức độ tham gia của sinh viên. Kết quả cho thấy, công tác quản lý còn gặp nhiều khó khăn về sự phối hợp giữa các đơn vị, về cơ sở vật chất, nguồn nhân lực... khiến hoạt động ngoại khóa chưa đáp ứng được nhu cầu đa dạng của sinh viên. Qua đó, tác giả bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý hoạt động ngoại khóa cho sinh viên hiện nay tại nhà trường.

Từ khóa: Thực trạng; Quản lý hoạt động ngoại khóa; Sinh viên Trường Đại học VHTT&DL Thanh Hóa.